

Bản án số: **08/2025/DS-ST**
Ngày 26 – 02 – 2025
“V/v Tranh chấp về hợp đồng
góp họ (hụi).”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Gấm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thu Trang và bà Trần Thị Mộng Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp về hợp đồng góp họ (hụi)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị D, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang

(Bà D có mặt, bà T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án nguyên đơn chị Võ Thị D trình bày yêu cầu như sau:

Bà Trần Thị T là chủ hụi, có tổ chức chơi hụi cho các hụi viên trong địa phương chơi hụi, trong đó bà có tham gia chơi 03 dây hụi:

Dây hụi thứ 01: Ngày 15/3/2021 âm lịch, bà có tham gia chơi hụi do bà T làm chủ, hụi 01 tháng xỏ 01 lần, hụi có 33 phần, hụi trị giá 2.000.000đ, bà D tham

gia 01 chân, hội này đóng tới mãn hội, hót được 64.000.000đ, trừ tiền thảo 1.000.000đ, còn lại 63.000.000đ.

Dây hội thứ 02: Ngày 26/4/2022 âm lịch, bà có tham giá chơi hội do bà T làm chủ, hội 01 tháng xô 01 lần, có 30 phần, hội trị giá 3.000.000đ, bà D tham gia 01 chân, hội này đóng được 20 lần, $20 \times 3.000.000đ = 60.000.000đ$, bà tới lần 21 là không đóng nữa.

Dây hội thứ 03: Ngày 16/02/2023 âm lịch, bà có tham giá chơi hội do bà T làm chủ, hội 01 tháng xô 01 lần, hội có 27 phần, hội trị giá 5.000.000đ, bà D tham gia 01 chân hội, hội này đóng được 10 lần, $10 \text{ lần} \times 5.000.000đ = 50.000.000đ$, tới lần 11 là không đóng nữa.

Tổng cộng 03 dây hội bà T nợ bà: $63.000.000đ + 60.000.000đ + 50.000.000đ = 173.000.000đ$, bà T trả được 25.000.000đ, còn lại nợ bà số tiền 148.000.000đ.

Nay yêu cầu bà T trả số tiền hội còn nợ là 148.000.000 đồng, yêu cầu trả trong thời hạn 30 ngày sau khi xét xử vụ án.

Bị đơn bà Trần Thị T trình bày:

Tại Tòa án bà Trần Thị T thừa nhận còn nợ bà Võ Thị D số tiền nợ hội là 148.000.000đ (Một trăm bốn mươi tám triệu đồng) đúng như bà D trình bày, nay hoàn cảnh gia đình khó khăn, do bị người khác giật hội không trả nên không có khả năng trả nợ cho bà D, bà đi làm thuê kiếm tiền hàng ngày mỗi tháng từ 3–4 triệu đồng, khi nào có tiền thì sẽ trả sớm cho bà D.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ý kiến như đã trình bày. Bị đơn vắng mặt nên không nghi nhận ý kiến.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị D yêu cầu giải quyết buộc bà Trần Thị T trả số tiền nợ hội tổng cộng là 148.000.000đ là có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Xét thấy, ý kiến trình bày và yêu cầu của bà D phù hợp với lời khai của bị đơn bà T cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể dây hội mở ngày 15/3/2021 âm lịch, hội 2.000.000đ, bà D góp tới mãn hội thì bà T tuyên bố bế hội, hội được hót là số tiền 63.000.000đ, dây hội mở ngày 26/4/2022 âm lịch, loại hội 3.000.000đ bà D góp được 20 lần hội sống thì bà T

tuyên bố bế hội, theo hội sống bà D được lĩnh hội với số tiền là 60.000.000đ, đây hội áp ngày 16/02/2023 âm lịch loại hội 5.000.000đ bà D góp được 10 lần hội sống thì bà T tuyên bố úp hội, hội sống bà D1 được lĩnh 50.000.000đ, đây là trường hợp có thật, thừa nhận hoặc không phản đối theo yêu cầu của bà D đưa ra theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu của bà D, bà T có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền hội được lĩnh còn nợ là 14.000.000đ theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự. Khoản 3, khoản 4 Điều 18, khoản 1 Điều 23 và khoản 1 Điều 25 của Nghị định số: 19/2019/NĐ/CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường. Đồng thời bà D không yêu cầu trả lãi chậm trả nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ kiện: Các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện A nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân huyện A theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà D khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền nợ hội còn nợ nên quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp họ (hội)”.

[3] Về thủ tục tố tụng: Do các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[4] Về nội dung vụ án:

Ghi nhận sự thống nhất xác nhận còn nợ giữa các đương sự là: Bà Trần Thị T thừa nhận còn nợ bà Võ Thị D số tiền nợ hội là 148.000.000đ (Một trăm bốn mươi tám triệu đồng). Tuy nhiên, về thời hạn trả nợ các đương sự có yêu cầu ý kiến khác nhau nên không có căn cứ để xem xét công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về thời hạn trả nợ thì khi bản án có hiệu lực thì các bên căn cứ vào bản án để thực hiện yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền do nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí của vụ án: $148.000.000đ \times 5\% = 7.400.000đ$ (Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng), do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn bà Trần Thị T phải nộp án phí.

Hoàn trả cho chị Võ Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 7, Điều 8, Điều 15, Điều 18, Điều 23 và Điều 25 của Nghị định số:19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 quy định về họ, họ, họ, họ, họ; Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị D về việc yêu cầu bà Trần Thị T trả số tiền nợ họ là 148.000.000đ (Một trăm bốn mươi tám triệu đồng).

Buộc bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Võ Thị D số tiền họ còn nợ là 148.000.000đ (Một trăm bốn mươi tám triệu đồng).

2. Về án phí vụ kiện:

Bà Trần Thị T có nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.400.000đ (Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).

Bà Võ Thị D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 3.700.000đ (Ba triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003550 ngày 23/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (V).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Thị Gấm